

THÔNG BÁO

Danh mục văn bản mới ban hành có liên quan đến công tác quản lý điều hành của doanh nghiệp

TT	Số, ngày ban hành, cơ quan ban hành, trích yếu nội dung	Tóm tắt nội dung	Hiệu lực thi hành
1	Nghị định số 20/2022/NĐ-CP ngày 10/3/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 119/2015/NĐ-CP ngày 13/11/2015 của Chính phủ quy định bảo hiểm bắt buộc trong hoạt động đầu tư xây dựng	<p>Nghị định này sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 119/2015/NĐ-CP ngày 13/11/2015 của Chính phủ</p> <p>Theo đó, Nhà thầu thi công xây dựng phải mua bảo hiểm bắt buộc cho người lao động thi công trên công trường và bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự đối với bên thứ ba.</p> <p>Đối với bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự đối với bên thứ ba: Doanh nghiệp bảo hiểm thực hiện trách nhiệm bồi thường cho nhà thầu thi công xây dựng những khoản tiền mà theo quy định của pháp luật nhà thầu thi công xây dựng có trách nhiệm bồi thường cho bên thứ ba đối với những thiệt hại ngoài hợp đồng về sức khỏe, tính mạng, tài sản phát sinh trực tiếp trong quá trình thi công xây dựng và chi phí pháp lý có liên quan (nếu có) thuộc phạm vi trách nhiệm bảo hiểm theo thỏa thuận tại hợp đồng bảo hiểm</p> <p>Ngoài ra, Nghị định này còn bãi bỏ khoản 6 Điều 3 và khoản 1 Điều 18 Nghị định số 119/2015/NĐ-CP.</p>	Có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2022
2	Nghị quyết số 17/2022/UBTVQH15 ngày 23/3/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về số giờ	Nghị quyết này quy định về số giờ làm thêm trong 01 năm, trong 01 tháng của người lao động trong bối cảnh phòng, chống dịch Covid-19 và phục hồi, phát triển kinh tế - xã hội.	Có hiệu lực thi hành từ ngày 01/4/2022.

	<p>làm thêm trong 01 năm, trong 01 tháng của người lao động trong bối cảnh phòng, chống dịch Covid-19 và phục hồi, phát triển kinh tế - xã hội</p>	<p>Theo đó, trường hợp người sử dụng lao động có nhu cầu và được sự đồng ý của người lao động thì được sử dụng người lao động làm thêm trên 200 giờ nhưng không quá 300 giờ trong 01 năm, trừ các trường hợp sau đây: (i) Người lao động từ đủ 15 tuổi đến chưa đủ 18 tuổi; (ii) Người lao động là người khuyết tật nhẹ suy giảm khả năng lao động từ 51% trở lên, khuyết tật nặng hoặc khuyết tật đặc biệt nặng; (iii) Người lao động làm nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm; (iv) Lao động nữ mang thai từ tháng thứ 7 hoặc từ tháng thứ 6 nếu làm việc ở vùng cao, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo; (v) Lao động nữ đang nuôi con dưới 12 tháng tuổi.</p> <p>Không áp dụng khoản 1 Điều 1 đối với trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 107 của Bộ luật Lao động.</p> <p>Trường hợp người sử dụng lao động được sử dụng người lao động làm thêm tối đa 300 giờ trong 01 năm có nhu cầu và được sự đồng ý của người lao động thì được sử dụng người lao động làm thêm trên 40 giờ nhưng không quá 60 giờ trong 01 tháng.</p>	<p>Quy định tại khoản 1 Điều 1 của Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2022.</p>
3	<p>Nghị định số 23/2022/NĐ-CP ngày 05/4/2022 của Chính phủ về thành lập, sắp xếp lại, chuyển đổi sở hữu, chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ</p>	<p>Nghị định này quy định về thành lập, sắp xếp lại, chuyển đổi sở hữu, chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.</p> <p>Theo đó, Doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ được hợp nhất, sáp nhập, chia, tách khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:</p> <p>(i) Việc sáp nhập, hợp nhất, chia, tách doanh nghiệp phải phù hợp với văn bản về sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Trường hợp chưa được quy định tại các văn bản này thì cơ quan đại diện chủ sở hữu phải trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.</p>	<p>Có hiệu lực thi hành từ ngày 01/6/2022.</p> <p>Thay thế Nghị định số 172/2013/NĐ-CP ngày 13/11/2013 của Chính phủ và Nghị định số 128/2014/NĐ-CP ngày 31/12/2014 của Chính phủ</p>

		<p>(ii) Các doanh nghiệp mới hình thành sau khi chia, tách phải đảm bảo đủ điều kiện như đối với thành lập doanh nghiệp quy định tại Điều 4.</p> <p>(iii) Việc hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp phải đảm bảo tuân thủ quy định của Luật Cạnh tranh về hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp.</p> <p>Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty mẹ là doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ quyết định việc thành lập, sắp xếp lại, chuyển đổi sở hữu công ty con là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt chủ trương tại Đề án cơ cấu lại công ty mẹ. Trường hợp chưa được quy định tại Đề án cơ cấu lại doanh nghiệp thì phải trình cấp có thẩm quyền xem xét sửa đổi, bổ sung Đề án. Công ty mẹ được áp dụng các quy định tại Nghị định này để thực hiện việc thành lập, sắp xếp lại, chuyển đổi sở hữu công ty con là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên.</p>	<p>Bãi bỏ Nghị định số 69/2014/NĐ-CP ngày 15/7/2014 của Chính phủ</p>
4	<p>Thông tư số 24/2022/TT-BTC ngày 07/4/2022 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/8/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, công trình xây dựng tại doanh nghiệp</p>	<p>Thông tư này sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/8/2019 của Bộ Tài chính .</p> <p>Theo đó, Đối tượng lập dự phòng là các loại chứng khoán do các tổ chức kinh tế trong nước phát hành theo quy định của pháp luật, thuộc sở hữu của doanh nghiệp, đang được niêm yết hoặc đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán trong nước, được tự do mua bán trên thị trường và giá chứng khoán thực tế trên thị trường tại thời điểm lập báo cáo tài chính năm thấp hơn giá trị của khoản đầu tư chứng khoán đang hạch toán trên sổ kế toán. Đối tượng lập dự phòng nêu trên không bao gồm trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương.</p> <p>Số dư dự phòng các khoản đầu tư trái phiếu Chính phủ, trái phiếu Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương mà doanh nghiệp đã trích</p>	<p>Có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25/5/2022</p>

		lập đến trước thời điểm Thông tư này có hiệu lực thi hành (nếu có) được hoàn nhập, ghi giảm chi phí tại thời điểm lập báo cáo tài chính năm 2022.	
5	Nghị định số 31/2022/NĐ-CP ngày 20/5/2022 của Chính phủ về hỗ trợ lãi suất từ ngân sách nhà nước đối với khoản vay của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh	<p>Nghị định này quy định về việc hỗ trợ lãi suất đối với các khoản vay bằng đồng Việt Nam phát sinh từ hoạt động cho vay của ngân hàng thương mại đối với khách hàng là doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh theo Nghị quyết số 43/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội và Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 30/01/2022 của Chính phủ.</p> <p>Theo đó, điều kiện được hỗ trợ lãi suất:</p> <p>(i) Khách hàng có đề nghị được hỗ trợ lãi suất, đáp ứng các điều kiện vay vốn theo quy định của pháp luật hiện hành về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng.</p> <p>(ii) Khoản vay được hỗ trợ lãi suất là khoản vay bằng đồng Việt Nam, được ký kết thỏa thuận cho vay và giải ngân trong khoảng thời gian từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2023, sử dụng vốn đúng mục đích theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị định này và chưa được hỗ trợ lãi suất từ ngân sách nhà nước theo các chính sách khác.</p> <p>(iii) Khoản vay không được tiếp tục hỗ trợ lãi suất trong các trường hợp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khoản vay có số dư nợ gốc bị quá hạn và/hoặc số dư lãi chậm trả không được hỗ trợ lãi suất đối với nghĩa vụ trả nợ lãi tại kỳ hạn trả nợ lãi mà thời điểm trả nợ nằm trong khoảng thời gian có số dư nợ gốc bị quá hạn và/hoặc số dư lãi chậm trả. Khoản vay chỉ được tiếp tục hỗ trợ lãi suất đối với các kỳ hạn trả nợ lãi tiếp theo sau khi khách hàng đã trả hết số dư nợ gốc bị quá hạn và/hoặc số dư lãi chậm trả. - Khoản vay được gia hạn nợ không được hỗ trợ lãi suất đối với thời gian gia hạn nợ. 	Có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20/5/2022

6	<p>Nghị định số 34/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 của Chính phủ gia hạn thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân và tiền thuê đất trong năm 2022</p>	<p>Nghị định này quy định việc gia hạn thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân và tiền thuê đất.</p> <p>Theo đó, Đối tượng được gia hạn thời hạn nộp thuế được quy định tại Điều 3 Nghị định này, trong đó có các doanh nghiệp hoạt động trong ngành kinh tế vận tải kho bãi.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gia hạn thời hạn nộp thuế đối với số thuế giá trị gia tăng phát sinh phải nộp (bao gồm cả số thuế phân bổ cho các địa phương cấp tỉnh khác nơi người nộp thuế có trụ sở chính, số thuế nộp theo từng lần phát sinh) của kỳ tính thuế từ tháng 3 đến tháng 8 năm 2022 (đối với trường hợp kê khai thuế giá trị gia tăng theo tháng) và kỳ tính thuế quý I, quý II năm 2022 (đối với trường hợp kê khai thuế giá trị gia tăng theo quý) của các doanh nghiệp, tổ chức nêu tại Điều 3 Nghị định này. Thời gian gia hạn là 06 tháng đối với số thuế giá trị gia tăng từ tháng 3 đến tháng 5 năm 2022 và quý I năm 2022, thời gian gia hạn là 05 tháng đối với số thuế giá trị gia tăng của tháng 6 năm 2022 và quý II năm 2022, thời gian gia hạn là 04 tháng đối với số thuế giá trị gia tăng của tháng 7 năm 2022, thời gian gia hạn là 03 tháng đối với số thuế giá trị gia tăng của tháng 8 năm 2022. Thời gian gia hạn tại điểm này được tính từ ngày kết thúc thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng theo quy định của pháp luật về quản lý thuế. - Gia hạn thời hạn nộp thuế đối với số thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp của quý I, quý II kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2022 của doanh nghiệp, tổ chức thuộc đối tượng được quy định tại Điều 3 Nghị định này. Thời gian gia hạn là 03 tháng, kể từ ngày kết thúc thời hạn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về quản lý thuế - Gia hạn thời hạn nộp tiền thuê đất đối với 50% số tiền thuê đất phát sinh phải nộp năm 2022 của doanh nghiệp, tổ chức, hộ gia đình, hộ kinh doanh cá nhân thuộc đối tượng quy định tại Điều 3 Nghị định này đang được 	<p>Có hiệu lực thi hành từ ngày 28/5/2022 đến hết ngày 31/12/2022.</p> <p>Sau thời gian gia hạn theo Nghị định này, thời hạn nộp thuế và tiền thuê đất được thực hiện theo quy định hiện hành.</p>
---	--	--	--

		Nhà nước cho thuê đất trực tiếp theo Quyết định hoặc Hợp đồng của cơ quan nhà nước có thẩm quyền dưới hình thức trả tiền thuê đất hàng năm. Thời gian gia hạn là 06 tháng kể từ ngày 31/5/2022 đến ngày 30/11/2022	
7	Nghị định số 36/2022/NĐ-CP ngày 30/5/2022 của Chính phủ về hỗ trợ lãi suất đối với các khoản vay tại Ngân hàng Chính sách xã hội, nguồn vốn cho vay, cấp bù lãi suất và phí quản lý để Ngân hàng Chính sách xã hội cho vay theo Nghị quyết số 43/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội.	<p>Nghị định này quy định về hỗ trợ lãi suất đối với các khoản vay tại Ngân hàng Chính sách xã hội, nguồn vốn cho vay, cấp bù lãi suất và phí quản lý để Ngân hàng Chính sách xã hội cho vay theo Nghị quyết số 43/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội.</p> <p>Theo đó, khách hàng vay vốn được ngân sách nhà nước hỗ trợ lãi suất khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:</p> <p>(i) Có khoản vay đáp ứng các điều kiện sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thuộc các chương trình tín dụng chính sách do Ngân hàng Chính sách xã hội cho vay theo: Nghị định của Chính phủ; Quyết định của Thủ tướng Chính phủ; văn bản ủy thác của chính quyền địa phương, các tổ chức kinh tế, tổ chức chính trị - xã hội, các hiệp hội, các hội, các tổ chức phi Chính phủ, các cá nhân trong và ngoài nước; hiệp định, hợp đồng vay lại từ nguồn vốn ODA và ưu đãi nước ngoài; thỏa thuận tài trợ nước ngoài khác; - Có lãi suất vay vốn trên 6%/năm; - Được Ngân hàng Chính sách xã hội giải ngân và có phát sinh dư nợ trong thời gian thực hiện hỗ trợ lãi suất. <p>(ii) Khách hàng vay vốn đúng đối tượng vay vốn và sử dụng vốn vay đúng mục đích theo quy định.</p>	Có hiệu lực thi hành từ ngày 30/5/2022
8	Thông tư số 08/2022/TT-BKHĐT ngày 31/5/2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết việc cung cấp, đăng tải thông	<p>Thông tư này quy định chi tiết về:</p> <p>(i) Việc lựa chọn nhà thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia đối với gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn, hàng hoá, xây lắp, mua thuốc thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Đấu thầu được tổ</p>	<p>Có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/8/2022.</p> <p>Kể từ ngày 01/8/2022, các Thông tư sau chấm dứt</p>

<p>tin về đấu thầu và lựa chọn nhà thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia</p>	<p>chức đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế, chào hàng cạnh tranh trong nước theo phương thức một giai đoạn một túi hồ sơ, một giai đoạn hai túi hồ sơ</p> <p>(ii) Cung cấp, đăng tải thông tin về lựa chọn nhà thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, Báo Đấu thầu theo quy định của Luật Đấu thầu</p> <p>(iii) Quản lý, sử dụng giá trị bảo đảm dự thầu, bảo đảm thực hiện hợp đồng trong trường hợp không hoàn trả cho nhà thầu</p> <p>Theo đó, thông tin về kế hoạch lựa chọn nhà thầu được chủ đầu tư (đối với dự án đầu tư phát triển), bên mời thầu (đối với mua sắm thường xuyên) đăng tải trên Hệ thống trong vòng 07 ngày làm việc, kể từ ngày phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu. Thông tin cơ bản về dự án được đăng tải đồng thời với kế hoạch lựa chọn nhà thầu. Bên mời thầu đăng tải thông báo mời thầu, E-TBMT trên Hệ thống theo tiến độ tổ chức lựa chọn nhà thầu và phù hợp với thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu được phê duyệt. Việc sửa đổi, hủy thông báo mời thầu, E-TBMT chỉ được thực hiện trước thời điểm đóng thầu, trừ trường hợp không có nhà thầu nào nộp hồ sơ dự thầu, E-HSĐT.</p> <p>Ngoài ra, Bên mời thầu đăng tải kết quả lựa chọn nhà thầu trên Hệ thống trong vòng 07 ngày làm việc, kể từ ngày phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu. Tài liệu đính kèm bao gồm: (i) Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu; (ii) Báo cáo đánh giá E-HSĐT đối với lựa chọn nhà thầu qua mạng (đăng tải báo cáo đánh giá tổng hợp, không kèm theo các phiếu chấm của thành viên trong tổ chuyên gia); (ii) Trường hợp dự toán của gói thầu được duyệt trong quá trình phát hành E-HSMT hoặc khi xử lý tình huống theo khoản 8 Điều 117 của Nghị định số 63/2014/NĐ-CP mà kế hoạch lựa chọn nhà thầu đã được đăng tải thì bên mời thầu cập nhật dự toán và đính kèm Quyết định phê duyệt dự toán. Đối với gói thầu mua sắm hàng hóa phải công khai chi tiết thông tin về các hạng mục hàng hóa</p>	<p>hiệu lực: (i) Thông tư số 01/2015/TT-BKHĐT ngày 14/2/2015; (ii) Thông tư số 03/2015/TT-BKHĐT ngày 06/5/2015; (iii) Thông tư số 05/2015/TT-BKHĐT ngày 16/6/2015; (iv) Thông tư số 14/2016/TT-BKHĐT ngày 29/9/2016; (v) Thông tư số 04/2017/TT-BKHĐT ngày 15/11/2017; (vi) Thông tư số 05/2018/TT-BKHĐT ngày 10/12/2018; (vii) Thông tư số 11/2019/TT-BKHĐT ngày 16/12/2019; (ix) Thông tư số 05/2020/TT-BKHĐT ngày 30/6/2020</p> <p><i>Khoản 1 Điều 1 Thông tư số 16/2022/TT-BKHĐT ngày 29/7/2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định:</i></p> <p><i>(i) Ngưng hiệu lực thi hành từ ngày 01/8/2022 đến ngày 15/9/2022 đối với Thông tư số 08/2022/TT-BKHĐT, trừ</i></p>
--	--	--

		<p>trúng thầu bao gồm danh mục hàng hóa, ký mã hiệu, mô tả hàng hóa, xuất xứ, khối lượng, đơn giá trúng thầu.</p> <p>Nghị định này còn quy định thời gian chuẩn bị E-HSDT khi đấu thầu rộng rãi qua mạng đối với gói thầu thuộc trường hợp được chỉ định thầu và gói thầu dịch vụ tư vấn đơn giản như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với gói thầu thuộc trường hợp được chỉ định thầu theo quy định tại khoản 1 Điều 22 của Luật Đấu thầu nhưng người có thẩm quyền quyết định áp dụng hình thức đấu thầu rộng rãi qua mạng thì thời gian chuẩn bị E-HSDT tối thiểu là 10 ngày. - Đối với gói thầu dịch vụ tư vấn có tính chất đơn giản, áp dụng loại hợp đồng trọn gói thì thời gian chuẩn bị E-HSDT tối thiểu là 10 ngày. 	<p><i>quy định về lộ trình áp dụng đấu thầu qua mạng đối với gói thầu mua sắm hàng hóa chia thành nhiều phần quy định tại khoản 1 Điều 37. (ii) Ngưng hiệu lực quy định về lộ trình áp dụng đấu thầu qua mạng đối với gói thầu mua sắm hàng hóa chia thành nhiều phần quy định tại khoản 1 Điều 37 Thông tư số 08/2022/TT-BKHĐT từ ngày 01/8/2022 đến ngày 01/01/2023.</i></p>
9	<p>Thông tư số 07/2022/TT-BGTVT ngày 31/5/2022 của Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 25/2018/TT-BGTVT ngày 14/5/2018 của Bộ Giao thông vận tải quy định về đường ngang và cấp giấy phép xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi đất dành cho đường sắt</p>	<p>Thông tư này sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 25/2018/TT-BGTVT ngày 14/5/2018 của Bộ Giao thông vận tải. Cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> (i) Sửa đổi, bổ sung Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép xây dựng, cải tạo, nâng cấp đường ngang tại Điều 42 (ii) Sửa đổi, bổ sung Hồ sơ đề nghị bãi bỏ đường ngang tại Điều 44 (iii) Sửa đổi, bổ sung Hồ sơ đề nghị gia hạn giấy phép xây dựng, cải tạo, nâng cấp đường ngang tại Điều 46 (iv) Sửa đổi, bổ sung Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi đất dành cho đường sắt tại Điều 49 (v) Sửa đổi, bổ sung Hồ sơ đề nghị gia hạn giấy phép xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi đất dành cho đường sắt tại Điều 51 	<p>Có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/6/2022</p>

		(vi) Thay thế cụm từ “môi trường mạng” bằng cụm từ “môi trường điện tử” tại Điều 43, Điều 45, Điều 47, Điều 50 và Điều 52	
10	Thông tư số 05/2022/TT-BKHCN ngày 31/5/2022 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn sử dụng Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp	<p>Thông tư này hướng dẫn sử dụng Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp.</p> <p>Theo đó, doanh nghiệp có quyền hạn và nghĩa vụ sau:</p> <p>(i) Có quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong việc quản lý, sử dụng quỹ đúng mục đích theo quy định tại khoản 3 Điều 63 Luật Khoa học và Công nghệ</p> <p>(ii) Thông báo việc thành lập Quỹ cho cơ quan chuyên môn về khoa học và công nghệ thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi doanh nghiệp đăng ký nộp thuế trong vòng 30 ngày kể từ ngày thành lập Quỹ.</p> <p>(iii) Xây dựng, phê duyệt và gửi Quy chế đề xuất, xác định nhiệm vụ, tổ chức thực hiện và đánh giá nghiệm thu các nhiệm vụ khoa học và công nghệ của doanh nghiệp (sau đây gọi chung là Quy chế khoa học và công nghệ của doanh nghiệp), Quy chế chi tiêu, sử dụng Quỹ cho cơ quan thuế trực tiếp quản lý doanh nghiệp cùng thời điểm nộp báo cáo trích, sử dụng Quỹ trong kỳ trích lập đầu tiên theo quy định tại khoản 2 Điều 10 Nghị định số 95/2014/NĐ-CP ngày 17/10/2014 của Chính phủ quy định về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học và công nghệ.</p> <p>(iv) Báo cáo trích lập, điều chuyển và sử dụng Quỹ gửi về các cơ quan theo quy định tại khoản 1 và khoản 4 Điều 11 Nghị định số 95/2014/NĐ-CP.</p> <p>(v) Phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước trong việc thanh tra, kiểm tra việc quản lý và sử dụng Quỹ theo quy định pháp luật.</p>	<p>Có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/6/2022 và áp dụng cho việc sử dụng Quỹ khoa học và công nghệ tại doanh nghiệp từ kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2022.</p> <p>Các Điều 2, Điều 3, Điều 5, Điều 6, Điều 7, Điều 8, Điều 9, Điều 10, Điều 11, Điều 15 và Mẫu số 01 của Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 12/2016/TTLT-BKHCN-BTC ngày 28/6/2016 của Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ Tài chính hết hiệu lực kể từ ngày 01/6/2022.</p>
11	Nghị định số 38/2022/NĐ-CP ngày 12/6/2022 của Chính phủ quy định mức lương tối thiểu đối	Nghị định này quy định mức lương tối thiểu tháng và mức lương tối thiểu giờ áp dụng đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động.	Có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/7/2022.

	<p>với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động</p>	<p>Theo đó, Nghị định này quy định mức lương tối thiểu tháng và mức lương tối thiểu giờ đối với người lao động làm việc cho người sử dụng lao động theo vùng như sau:</p> <table border="1" data-bbox="725 296 1668 727"> <thead> <tr> <th>Vùng</th> <th>Mức lương tối thiểu tháng (Đơn vị: đồng/tháng)</th> <th>Mức lương tối thiểu giờ (Đơn vị: đồng/giờ)</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Vùng I</td> <td>4.680.000</td> <td>22.500</td> </tr> <tr> <td>Vùng II</td> <td>4.160.000</td> <td>20.000</td> </tr> <tr> <td>Vùng III</td> <td>3.640.000</td> <td>17.500</td> </tr> <tr> <td>Vùng IV</td> <td>3.250.000</td> <td>15.600</td> </tr> </tbody> </table>	Vùng	Mức lương tối thiểu tháng (Đơn vị: đồng/tháng)	Mức lương tối thiểu giờ (Đơn vị: đồng/giờ)	Vùng I	4.680.000	22.500	Vùng II	4.160.000	20.000	Vùng III	3.640.000	17.500	Vùng IV	3.250.000	15.600	<p>Nghị định số 90/2019/NĐ-CP ngày 15/11/2019 của Chính phủ hết hiệu lực kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.</p>
Vùng	Mức lương tối thiểu tháng (Đơn vị: đồng/tháng)	Mức lương tối thiểu giờ (Đơn vị: đồng/giờ)																
Vùng I	4.680.000	22.500																
Vùng II	4.160.000	20.000																
Vùng III	3.640.000	17.500																
Vùng IV	3.250.000	15.600																
12	<p>Luật Thi đua, khen thưởng số 06/2022/QH15 ngày 15/6/2022</p>	<p>Luật này quy định về đối tượng, phạm vi, nguyên tắc, hình thức, tiêu chuẩn, thẩm quyền, trình tự và thủ tục thi đua, khen thưởng.</p> <p>Theo đó, Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo và chịu trách nhiệm về kết quả công tác thi đua, khen thưởng; phát hiện cá nhân, tập thể, hộ gia đình có thành tích để khen thưởng theo thẩm quyền hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng; nhân rộng điển hình tiên tiến; đánh giá thành tích; chịu trách nhiệm về quyết định khen thưởng và việc trình cấp trên khen thưởng.</p> <p>Cơ quan, tổ chức, đơn vị tham mưu, giúp việc về công tác thi đua, khen thưởng có trách nhiệm sau đây: (i) Tham mưu, đề xuất thực hiện công tác thi đua, khen thưởng; (ii) Tham mưu phát động phong trào thi đua; xây dựng chương trình, kế hoạch, nội dung thi đua; (iii) Hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện công tác thi đua, khen thưởng; tiếp nhận, xem xét, thẩm định hồ sơ đề nghị tặng danh hiệu thi đua và hình thức khen</p>	<p>Có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2024.</p> <p>Luật Thi đua, khen thưởng số 15/2003/QH11 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 47/2005/QH11, Luật số 32/2009/QH12 và Luật số 39/2013/QH13 hết hiệu lực kể từ ngày ngày 01/01/2024</p>															

		thưởng; trình cấp có thẩm quyền quyết định việc khen thưởng; (iv) Tham mưu sơ kết, tổng kết các phong trào thi đua.	
13	Thông tư số 10/2020/TT-BKHĐT ngày 15/6/2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết việc cung cấp, đăng tải thông tin và lựa chọn nhà đầu tư trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia	<p>Thông tư này quy định chi tiết việc cung cấp, đăng tải, khai thác cơ sở dữ liệu về PPP và lựa chọn nhà đầu tư trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, gồm: (i) Cung cấp, đăng tải thông tin dự án PPP; danh mục dự án đầu tư có sử dụng đất, dự án phải tổ chức đấu thầu theo quy định của pháp luật chuyên ngành, pháp luật về xã hội hóa; (ii) Cung cấp, đăng tải thông tin về lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án PPP, dự án đầu tư có sử dụng đất, dự án phải tổ chức đấu thầu theo quy định của pháp luật chuyên ngành, pháp luật về xã hội hóa; (iii) Khảo sát sự quan tâm của nhà đầu tư đối với dự án PPP; mời quan tâm dự án đầu tư có sử dụng đất thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Đấu thầu; (iv) Sơ tuyển trong nước đối với dự án PPP; (v) Khai thác cơ sở dữ liệu về PPP.</p> <p>Theo đó, Thông tin về kế hoạch lựa chọn nhà đầu tư được đăng tải trên Hệ thống không muộn hơn 07 ngày làm việc, kể từ ngày văn bản này được ban hành. Thông tin cơ bản về dự án được đăng tải đồng thời với kế hoạch lựa chọn nhà đầu tư. Bên mời thầu đăng tải kết quả lựa chọn nhà đầu tư kèm theo quyết định phê duyệt trên Hệ thống không muộn hơn 10 ngày, kể từ ngày phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư.</p> <p>Thông tư này sửa đổi, bãi bỏ một số điều của Thông tư số 09/2021/TT-BKHĐT ngày 16/11/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư theo phương thức PPP và dự án đầu tư có sử dụng đất. Cụ thể: (i) Bãi bỏ khoản 4 Điều 8; (ii) Sửa đổi khoản 3 Mục 1 Phụ lục VIII, khoản 2.c Bảng số 01 Mục 2 Chương II Phụ lục VI và khoản 2.c Bảng số 01 Mục 2.3 Chương III Phụ lục VII</p>	<p>Có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/8/2022</p> <p>Kể từ ngày 01/8/2022, các Điều 7, 8, 9, 10 và 13 của Thông tư số 06/2020/TT-BKHĐT ngày 18/9/2020 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hết hiệu lực thi hành.</p> <p><i>Khoản 2 Điều 1 Thông tư số 16/2022/TT-BKHĐT ngày 29/7/2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định: ngưng hiệu lực thi hành từ ngày 01/8/2022 đến ngày 15/9/2022 đối với Thông tư số 10/2022/TT-BKHĐT</i></p>

14	<p>Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ số 07/2022/QH15 ngày 16/6/2022</p>	<p>Luật này sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 36/2009/QH12 và Luật số 42/2019/QH14.</p> <p>Theo đó, các hành vi xâm phạm quyền tác giả bao gồm:</p> <p>(i) Xâm phạm quyền nhân thân quy định tại Điều 19</p> <p>(ii) Xâm phạm quyền tài sản quy định tại Điều 20</p> <p>(iii) Không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ quy định tại các điều 25, 25a và 26</p> <p>(iv) Cố ý hủy bỏ hoặc làm vô hiệu biện pháp công nghệ hữu hiệu do tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả thực hiện để bảo vệ quyền tác giả đối với tác phẩm của mình nhằm thực hiện hành vi quy định tại Điều 28, Điều 35</p> <p>(v) Sản xuất, phân phối, nhập khẩu, chào bán, bán, quảng bá, quảng cáo, tiếp thị, cho thuê hoặc tàng trữ nhằm mục đích thương mại các thiết bị, sản phẩm hoặc linh kiện, giới thiệu hoặc cung cấp dịch vụ khi biết hoặc có cơ sở để biết thiết bị, sản phẩm, linh kiện hoặc dịch vụ đó được sản xuất, sử dụng nhằm vô hiệu hóa biện pháp công nghệ hữu hiệu bảo vệ quyền tác giả.</p> <p>(vi) Cố ý xóa, gỡ bỏ hoặc thay đổi thông tin quản lý quyền mà không được phép của tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả khi biết hoặc có cơ sở để biết việc thực hiện hành vi đó sẽ xúi giục, tạo khả năng, tạo điều kiện thuận lợi hoặc che giấu hành vi xâm phạm quyền tác giả theo quy định của pháp luật.</p> <p>(vii) Cố ý phân phối, nhập khẩu để phân phối, phát sóng, truyền đạt hoặc cung cấp đến công chúng bản sao tác phẩm khi biết hoặc có cơ sở để biết thông tin quản lý quyền đã bị xóa, gỡ bỏ, thay đổi mà không được phép của chủ sở hữu quyền tác giả; khi biết hoặc có cơ sở để biết việc thực hiện</p>	<p>Có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2023, trừ các trường hợp sau:</p> <p>(i) Quy định về bảo hộ nhãn hiệu là dấu hiệu âm thanh có hiệu lực thi hành từ ngày 14/01/2022.</p> <p>(ii) Quy định về bảo hộ dữ liệu thử nghiệm dùng cho nông hóa phẩm có hiệu lực thi hành từ ngày 14/01/2024.</p>
----	---	---	---

		<p>hành vi đó sẽ xúi giục, tạo khả năng, tạo điều kiện thuận lợi hoặc che giấu hành vi xâm phạm quyền tác giả theo quy định của pháp luật.</p> <p>(viii) Không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ quy định để được miễn trừ trách nhiệm pháp lý của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian quy định tại khoản 3 Điều 198b</p> <p>Ngoài ra, Luật này còn sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật khác có liên quan, gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sửa đổi, bổ sung tên Mục 8 Chương III và khoản 2 Điều 73 Luật Hải quan số 54/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 71/2014/QH13 và Luật số 35/2018/QH14 - Sửa đổi, bổ sung Điều 41 và Điều 43 Luật Khoa học và Công nghệ số 29/2013/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 28/2018/QH14 - Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 4 Điều 105 của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 64/2020/QH14 - Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 1 Điều 19, điểm c khoản 3 Điều 19 và điểm c khoản 1 Điều 22 Luật Giá số 11/2012/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 61/2014/QH13 và Luật số 64/2020/QH14 	
15	Luật Kinh doanh bảo hiểm số 08/2022/QH15 ngày 16/6/2022	<p>Luật này quy định về tổ chức và hoạt động kinh doanh bảo hiểm; quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân tham gia bảo hiểm; quản lý nhà nước về hoạt động kinh doanh bảo hiểm. Luật này không áp dụng đối với bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm tiền gửi và các loại bảo hiểm khác do Nhà nước thực hiện không mang tính kinh doanh.</p> <p>Theo đó, có 05 loại hợp đồng bảo hiểm bao gồm: (i) Hợp đồng bảo hiểm nhân thọ; (ii) Hợp đồng bảo hiểm sức khỏe; (iii) Hợp đồng bảo hiểm tài</p>	<p>Có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2023. Khoản 3 Điều 86, khoản 4 và khoản 5 Điều 94, Điều 95, khoản 3 và khoản 4 Điều 99, các điều 109, 110, 111, 112, 113, 114 và 116 có hiệu</p>

		<p>sản; (iv) Hợp đồng bảo hiểm thiệt hại; (v) Hợp đồng bảo hiểm trách nhiệm. Trong đó, Hợp đồng bảo hiểm tài sản; Hợp đồng bảo hiểm thiệt hại; Hợp đồng bảo hiểm trách nhiệm thuộc loại hình bảo hiểm phi nhân thọ.</p> <p>Đối với Hợp đồng bảo hiểm tài sản, Bên mua bảo hiểm phải thông báo cho doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài khi biết sự kiện bảo hiểm xảy ra theo thời hạn thỏa thuận trong hợp đồng bảo hiểm. Trường hợp bên mua bảo hiểm không thực hiện hoặc chậm thực hiện nghĩa vụ này, doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài có quyền giảm trừ số tiền phải bồi thường bảo hiểm tương ứng với thiệt hại mà doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài phải chịu, trừ trường hợp có sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài không được áp dụng quy định tại khoản 1 Điều 46 nếu hợp đồng bảo hiểm không có thỏa thuận về trách nhiệm của bên mua bảo hiểm, các biện pháp chế tài trong việc không thực hiện hoặc chậm thực hiện nghĩa vụ thông báo về sự kiện bảo hiểm.</p> <p>Ngoài ra, Luật này còn sửa đổi, bổ sung Phụ lục IV của Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2022/QH15</p>	<p>lực thi hành từ ngày 01/01/2028.</p> <p>Luật Kinh doanh bảo hiểm số 24/2000/QH10 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 61/2010/QH12 và Luật số 42/2019/QH14 hết hiệu lực kể từ ngày 01/01/2023, trừ trường hợp sau đây:</p> <p>(i) Khoản 1 Điều 157 của Luật này;</p> <p>(ii) Các điều 77, 78, 79, 80, 81, 83, 94 và 98 của Luật Kinh doanh bảo hiểm số 24/2000/QH10 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 61/2010/QH12 và Luật số 42/2019/QH14 có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2027</p>
16	<p>Thông tư số 36/2022/TT-BTC ngày 16/6/2022 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 199/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp,</p>	<p>Thông tư này sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 199/2016/TT-BTC 08/11/2016 của Bộ Tài chính. Cụ thể:</p> <p>(i) Sửa đổi, bổ sung Điều 4 quy định về kê khai, thu, nộp lệ phí</p> <p>(ii) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 5 quy định về Tổ chức thực hiện và điều khoản thi hành</p>	<p>Có hiệu lực thi hành từ ngày 01/8/2022</p>

	quản lý lệ phí cấp giấy chứng nhận bảo đảm chất lượng, an toàn kỹ thuật đối với máy, thiết bị, phương tiện giao thông vận tải có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn	(iii) Sửa đổi, bổ sung điểm 4 Biểu mức thu lệ phí	
17	Nghị định số 41/2022/NĐ-CP ngày 20/6/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định về hóa đơn, chứng từ và Nghị định số 15/2022/NĐ-CP ngày 28/01/2022 của Chính phủ quy định chính sách miễn, giảm thuế theo Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội	Nghị định này sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ và Nghị định số 15/2022/NĐ-CP ngày 28/01/2022 của Chính phủ. Cụ thể: (i) Sửa đổi, bổ sung Mẫu số 01/TB-SSĐT Phụ lục IB ban hành kèm theo Nghị định số 123/2020/NĐ-CP (ii) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 1 của Nghị định số 15/2022/NĐ-CP Trường hợp từ ngày 01/02/2022 đến ngày 20/6/2022, cơ sở kinh doanh đã thực hiện theo quy định tại Điều 2 Nghị định này thì vẫn được giảm thuế giá trị gia tăng và không phải điều chỉnh lại hóa đơn, không bị xử phạt vi phạm hành chính về thuế và hóa đơn	Có hiệu lực thi hành từ ngày 20/6/2022
18	Thông tư số 09/2022/TT-BGTVT ngày 22/6/2022 của Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn một số nội dung về phương pháp, tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu lựa chọn nhà đầu tư theo phương thức đối tác công tư và mẫu loại hợp đồng xây dựng - kinh doanh -	Thông tư này hướng dẫn một số nội dung về phương pháp, tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu lựa chọn nhà đầu tư theo phương thức đối tác công tư và mẫu loại hợp đồng xây dựng - kinh doanh - chuyển giao thuộc ngành giao thông vận tải. Theo đó, phương pháp đánh giá HSDT lựa chọn nhà đầu tư theo phương thức đối tác công tư thực hiện thông qua tiêu chuẩn đánh giá trong hồ sơ mời thầu bao gồm:	Có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/10/2022

	chuyển giao thuộc ngành giao thông vận tải	<p>(i) Đánh giá hồ sơ đề xuất về kỹ thuật đối với dự án áp dụng hình thức đấu thầu rộng rãi, đàm phán cạnh tranh theo quy định tại khoản 1 Điều 38 Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư</p> <p>(ii) Đánh giá hồ sơ đề xuất về tài chính - thương mại đối với dự án áp dụng hình thức đấu thầu rộng rãi và đàm phán cạnh tranh theo quy định tại khoản 1 Điều 38 Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư</p> <p>(iii) Đánh giá HSDT đối với trường hợp dự án áp dụng hình thức chỉ định nhà đầu tư theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư</p> <p>(iv) Đánh giá HSDT đối với trường hợp dự án áp dụng hình thức chỉ định nhà đầu tư theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 39 Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư</p>	
19	Thông tư số 10/2022/TT-BGTVT ngày 23/6/2022 của Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 29/2018/TT-BGTVT ngày 14/5/2018 của Bộ Giao thông vận tải quy định về việc kiểm tra chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông đường sắt	<p>Thông tư này sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 29/2018/TT-BGTVT ngày 14/5/2018 của Bộ Giao thông vận tải. Cụ thể:</p> <p>(i) Sửa đổi, bổ sung Khoản 2 Điều 5 quy định về hồ sơ thiết kế cho việc kiểm tra sản xuất, lắp ráp</p> <p>(ii) Bãi bỏ Điểm c Khoản 3 Điều 5</p> <p>(iii) Bãi bỏ Điểm c Khoản 2 Điều 7 (đã được sửa đổi tại khoản 3 Điều 1 của Thông tư số 32/2020/TT-BGTVT ngày 14/12/2020 của Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 29/2018/TT-BGTVT và Thông tư số 31/2018/TT-BGTVT).</p>	Có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/7/2022
20	Thông tư số 18/2022/TT-BGTVT ngày 20/7/2022 của Bộ Giao thông và vận tải hướng dẫn về việc tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về	<p>Thông tư này hướng dẫn việc tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính thuộc phạm vi quản lý của Bộ Giao thông vận tải.</p> <p>Theo đó, tổ chức, cá nhân có thể phản ánh, kiến nghị về những nội dung:</p> <p>(i) Những vướng mắc cụ thể trong thực hiện quy định hành chính do hành</p>	<p>Có hiệu lực thi hành từ ngày 15/9/2022.</p> <p>Bãi bỏ Thông tư số 50/2011/TT-BGTVT ngày 30/9/2011 của Bộ Giao</p>

	<p>quy định hành chính thuộc phạm vi quản lý của Bộ Giao thông vận tải</p>	<p>vi chậm trễ, gây phiền hà hoặc không thực hiện, thực hiện không đúng quy định hành chính của cơ quan, đơn vị thuộc Bộ; của cán bộ, công chức các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Giao thông vận tải; (ii) Sự không phù hợp với thực tế của quy định hành chính về giao thông vận tải; (iii) Sự không đồng bộ, không thống nhất của các quy định hành chính về giao thông vận tải; (iv) Quy định hành chính về giao thông vận tải không hợp pháp; (v) Quy định hành chính về giao thông vận tải trái với các điều ước quốc tế mà Việt Nam đã ký kết hoặc gia nhập; (vi) Những vấn đề khác liên quan đến quy định hành chính về giao thông vận tải; (vii) Phương án xử lý những phản ánh, kiến nghị quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6 và 9 Điều 5; (viii) Sáng kiến ban hành mới quy định hành chính về giao thông vận tải liên quan đến hoạt động kinh doanh, đời sống nhân dân; (ix) Phản ánh, kiến nghị về thủ tục hành chính lĩnh vực giao thông vận tải</p>	<p>thông vận tải và Thông tư số 36/2018/TT-BGTVT ngày 31/5/2018 của Bộ Giao thông vận tải</p>
21	<p>Thông tư số 16/2022/TT-BKHĐT ngày 29/7/2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ngưng hiệu lực của Thông tư số 08/2022/TT-BKHĐT ngày 31/5/2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và lựa chọn nhà thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia và Thông tư số 10/2022/TT-BKHĐT ngày 15/6/2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết việc cung cấp, đăng tải thông</p>	<p>Thông tư này quy định về việc ngưng hiệu lực của Thông tư số 08/2022/TT-BKHĐT ngày 31/5/2022 và Thông tư số 10/2022/TT-BKHĐT ngày 15/6/2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Cụ thể:</p> <p>Đối với Thông tư số 08/2022/TT-BKHĐT ngày 31/5/2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư: (i) Ngưng hiệu lực thi hành từ ngày 01/8/2022 đến ngày 15/9/2022 trừ quy định về lộ trình áp dụng đấu thầu qua mạng đối với gói thầu mua sắm hàng hóa chia thành nhiều phần quy định tại khoản 1 Điều 37. (ii) Ngưng hiệu lực quy định về lộ trình áp dụng đấu thầu qua mạng đối với gói thầu mua sắm hàng hóa chia thành nhiều phần quy định tại khoản 1 Điều 37 từ ngày 01/8/2022 đến ngày 01/01/2023.</p> <p>Đối với Thông tư số 10/2022/TT-BKHĐT ngày 15/6/2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư: ngưng hiệu lực thi hành từ ngày 01/8/2022 đến ngày 15/9/2022.</p>	<p>Có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/8/2022</p>

	tin và lựa chọn nhà đầu tư trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.	Trong thời gian ngưng hiệu lực của Thông tư số 08/2022/TT-BKHĐT và Thông tư số 10/2022/TT-BKHĐT, các văn bản quy phạm pháp luật và các quy định sau đây tiếp tục có hiệu lực thi hành: (i) Thông tư số 01/2015/TT-BKHĐT ngày 14/2/2015; (ii) Thông tư số 03/2015/TT-BKHĐT ngày 06/5/2015; (iii) Thông tư số 05/2015/TT-BKHĐT ngày 16/6/2015; (iv) Thông tư số 14/2016/TT-BKHĐT ngày 29/9/2016; (v) Thông tư số 04/2017/TT-BKHĐT ngày 15/11/2017; (vi) Thông tư số 05/2018/TT-BKHĐT ngày 10/12/2018; (vii) Thông tư số 11/2019/TT-BKHĐT ngày 16/12/2019; (viii) Thông tư số 05/2020/TT-BKHĐT ngày 30/6/2020; (ix) Các Điều 7, 8, 9, 10 và 13 Thông tư số 06/2020/TT-BKHĐT ngày 18/9/2020; (x) Khoản 4 Điều 8 Thông tư số 09/2021/TT-BKHĐT ngày 16/11/2021	
22	Nghị định số 49/2022/NĐ-CP ngày 29/7/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 12/2015/NĐ-CP, Nghị định số 100/2016/NĐ-CP và Nghị định số 146/2017/NĐ-CP	Nghị định này sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 12/2015/NĐ-CP, Nghị định số 100/2016/NĐ-CP và Nghị định số 146/2017/NĐ-CP. Cụ thể: (i) Sửa đổi, bổ sung khoản 3, 4 Điều 4 về Giá tính thuế giá trị gia tăng (ii) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 8 về Phương pháp tính trực tiếp trên giá trị gia tăng (iii) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 10 về Hoàn thuế giá trị gia tăng	Có hiệu lực thi hành từ ngày 12/9/2022 Bãi bỏ quy định tại Điều 2 Nghị định số 10/2017/NĐ-CP ngày 09/02/2017 của Chính phủ và sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 4 Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính phủ
23	Thông tư số 50/2022/TT-BTC ngày 11/8/2022 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều	Thông tư này hướng dẫn quy tắc, điều khoản, biểu phí bảo hiểm và chế độ tài chính, chế độ báo cáo đối với bảo hiểm bắt buộc trong hoạt động đầu tư xây dựng bao gồm: Bảo hiểm bắt buộc công trình trong thời gian	Có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/10/2022.

	<p>của Nghị định số 119/2015/NĐ-CP ngày 13/11/2015 của Chính phủ quy định bảo hiểm bắt buộc trong hoạt động đầu tư xây dựng và Nghị định số 20/2022/NĐ-CP ngày 10/3/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 119/2015/NĐ-CP ngày 13/11/2015 của Chính phủ quy định bảo hiểm bắt buộc trong hoạt động đầu tư xây dựng</p>	<p>xây dựng; bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm nghề nghiệp tư vấn đầu tư xây dựng; bảo hiểm bắt buộc đối với người lao động thi công trên công trường; bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự đối với bên thứ ba.</p> <p>Theo đó, Chủ đầu tư hoặc nhà thầu (trong trường hợp phí bảo hiểm công trình đã được tính vào giá hợp đồng) phải mua bảo hiểm cho toàn bộ công trình hoặc cho từng hạng mục của công trình trong thời gian xây dựng. Các trường hợp cụ thể như sau:</p> <p>(i) Trường hợp mua bảo hiểm cho toàn bộ công trình trong thời gian xây dựng, chủ đầu tư hoặc nhà thầu (trong trường hợp phí bảo hiểm công trình đã được tính vào giá hợp đồng) phải mua bảo hiểm với số tiền bảo hiểm tối thiểu theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Thông tư này.</p> <p>(ii) Trường hợp mua bảo hiểm theo từng hạng mục công trình trong thời gian xây dựng, chủ đầu tư hoặc nhà thầu (trong trường hợp phí bảo hiểm công trình đã được tính vào giá hợp đồng) phải mua bảo hiểm với số tiền bảo hiểm của từng hạng mục công trình không thấp hơn giá trị đầy đủ của hạng mục công trình đó khi hoàn thành và tổng số tiền bảo hiểm của các hạng mục công trình trong thời gian xây dựng không thấp hơn số tiền bảo hiểm tối thiểu theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Thông tư này.</p>	<p>Thay thế Thông tư số 329/2016/TT-BTC ngày 26/12/2016 của Bộ Tài chính</p>
24	<p>Nghị định số 53/2022/NĐ-CP ngày 15/8/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật An ninh mạng</p>	<p>Nghị định này quy định chi tiết điểm a, b, c, d, đ, g, i, k, l khoản 1 Điều 5, khoản 4 Điều 10, khoản 5 Điều 12, khoản 1 Điều 23, khoản 7 Điều 24, khoản 2, 4 Điều 26, khoản 5 Điều 36 Luật An ninh mạng.</p> <p>Theo đó, Dữ liệu phải lưu trữ tại Việt Nam bao gồm:</p> <p>(i) Dữ liệu về thông tin cá nhân của người sử dụng dịch vụ tại Việt Nam</p> <p>(ii) Dữ liệu do người sử dụng dịch vụ tại Việt Nam tạo ra: Tên tài khoản sử dụng dịch vụ, thời gian sử dụng dịch vụ, thông tin thẻ tín dụng, địa chỉ</p>	<p>Có hiệu lực thi hành từ ngày 01/10/2022</p>

		<p>thư điện tử, địa chỉ mạng (IP) đăng nhập, đăng xuất gần nhất, số điện thoại đăng ký được gắn với tài khoản hoặc dữ liệu</p> <p>(iii) Dữ liệu về mối quan hệ của người sử dụng dịch vụ tại Việt Nam: bạn bè, nhóm mà người sử dụng kết nối hoặc tương tác.</p> <p>Doanh nghiệp trong nước lưu trữ dữ liệu quy định tại khoản 1 Điều 26 Nghị định này tại Việt Nam</p>	
25	<p>Nghị định số 55/2022/NĐ-CP ngày 23/8/2022 của Chính phủ quy định Cơ sở dữ liệu quốc gia về công tác tiếp công dân, xử lý đơn, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh</p>	<p>Nghị định này quy định về xây dựng, cập nhật, quản lý, khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về công tác tiếp công dân, xử lý đơn, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong xây dựng, cập nhật, quản lý, khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về công tác tiếp công dân, xử lý đơn, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh.</p> <p>Theo đó, Nghị định này quy định về trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý kiến nghị, phản ánh như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cung cấp thông tin, dữ liệu về công tác tiếp công dân, xử lý đơn, giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý kiến nghị, phản ánh cho cơ quan có trách nhiệm cập nhật khi được yêu cầu và thực hiện cập nhật theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền; chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin do mình cung cấp. - Sử dụng thông tin, dữ liệu về công tác tiếp công dân, xử lý đơn, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh do mình thu thập, cung cấp để phục vụ công tác quản lý. 	<p>Có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10/10/2022</p>
26	<p>Nghị định số 56/2022/NĐ-CP ngày 24/8/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ,</p>	<p>Nghị định này quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải.</p>	<p>Có hiệu lực thi hành từ ngày 01/10/2022</p>

	quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải	<p>Theo đó, Điều 2 Nghị định này quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Giao thông vận tải, trong đó có một số nội dung sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa, hàng hải, hàng không dân dụng theo quy định của pháp luật; chỉ đạo việc tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông đã được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; - Tổ chức thực hiện, hướng dẫn, kiểm tra việc quản lý, khai thác, bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông; quản lý, khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông thuộc phạm vi được giao quản lý theo quy định của pháp luật; - Trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ quyết định hoặc quyết định theo thẩm quyền việc công bố, phân loại, đặt tên, điều chỉnh, đóng, mở, tháo dỡ, đưa vào khai thác, dừng, tạm dừng khai thác công trình đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa, hàng hải, hàng không dân dụng theo quy định của pháp luật; - Quy định việc đăng ký, cấp biển số phương tiện giao thông đường sắt, đường thủy nội địa và xe máy chuyên dùng tham gia giao thông; tổ chức thực hiện việc đăng ký phương tiện giao thông đường sắt, đường thủy nội địa, hàng hải, hàng không dân dụng theo thẩm quyền và quy định của pháp luật - Quy định chi tiết việc quản lý hoạt động tại cảng hàng không, sân bay (không bao gồm hoạt động bay), cảng biển, cảng cạn, cảng, bến thủy nội địa, ga đường sắt và quản lý các tuyến vận tải đường sắt, đường thủy nội địa, hàng hải 	
27	Thông tư số 22/2022/TT-BGTVT ngày 31/8/2022 của Bộ Giao	Thông tư này hướng dẫn một số nội dung trong báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo nghiên cứu khả thi dự án đầu tư theo phương thức đối tác	Có hiệu lực thi hành từ ngày 01/11/2022

	<p>thông vận tải hướng dẫn một số nội dung trong báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo nghiên cứu khả thi dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư, loại hợp đồng xây dựng - kinh doanh - chuyển giao thuộc lĩnh vực giao thông vận tải</p>	<p>công tư, loại hợp đồng xây dựng - kinh doanh - chuyển giao thuộc lĩnh vực giao thông vận tải, bao gồm: chỉ tiêu hiệu quả kinh tế xã hội; khung lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư; chỉ số đánh giá chất lượng của công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng do doanh nghiệp dự án cung cấp; thời hạn khấu hao công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng.</p> <p>Chỉ tiêu hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án bao gồm: giá trị hiện tại ròng kinh tế (ENPV); tỷ số lợi ích trên chi phí về kinh tế (BCR); tỷ suất nội hoàn kinh tế (EIRR). Việc tính toán các chỉ tiêu trên thực hiện theo quy định tại Phần IV mẫu số 01 Phụ lục II và Phần IV mẫu số 01 Phụ lục III, Nghị định số 35/2021/NĐ-CP ngày 29/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư</p>	
28	<p>Nghị định số 59/2022/NĐ-CP ngày 05/9/2022 của Chính phủ quy định về định danh và xác thực điện tử</p>	<p>Nghị định này quy định về danh tính điện tử, định danh điện tử, xác thực điện tử; dịch vụ xác thực điện tử; quyền, nghĩa vụ của bên sử dụng dịch vụ xác thực điện tử; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.</p> <p>Theo đó, Danh tính điện tử tổ chức gồm: (i) Mã định danh điện tử của tổ chức; (ii) Tên tổ chức gồm tên tiếng Việt, tên viết tắt (nếu có) và tên tiếng nước ngoài (nếu có); (iii) Ngày, tháng, năm thành lập; (iv) Địa chỉ trụ sở chính; (v) Số định danh cá nhân hoặc số định danh của người nước ngoài; họ, chữ đệm và tên người đại diện theo pháp luật hoặc người đứng đầu của tổ chức.</p> <p>Việc sử dụng tài khoản định danh điện tử được tạo lập bởi hệ thống định danh và xác thực điện tử đối với chủ thể danh tính điện tử là tổ chức do người đại diện theo pháp luật thực hiện hoặc giao cho người được ủy quyền sử dụng. Việc sử dụng tài khoản định danh điện tử của tổ chức có giá trị chứng minh danh tính điện tử của tổ chức khi thực hiện giao dịch có yêu cầu chứng minh thông tin về tổ chức đó; có giá trị cung cấp thông tin trong các loại giấy tờ của tổ chức được đồng bộ vào tài khoản định</p>	<p>Có hiệu lực thi hành từ ngày 20/10/2022</p>

		<p>danh điện tử đề cơ quan, tổ chức có thẩm quyền đối chiếu khi thực hiện các giao dịch có yêu cầu xuất trình giấy tờ đó.</p>	
29	<p>Nghị định số 65/2022/NĐ-CP ngày 16/9/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 153/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế</p>	<p>Nghị định này sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 153/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ.</p> <p>Theo đó, mục đích phát hành trái phiếu là để thực hiện các chương trình, dự án đầu tư, cơ cấu lại nợ của chính doanh nghiệp hoặc mục đích phát hành trái phiếu theo quy định của pháp luật chuyên ngành. Doanh nghiệp phải nêu cụ thể mục đích phát hành tại phương án phát hành theo quy định tại Điều 13 Nghị định này và công bố thông tin cho nhà đầu tư đăng ký mua trái phiếu. Việc sử dụng vốn huy động từ phát hành trái phiếu của doanh nghiệp phải đảm bảo đúng mục đích theo phương án phát hành và nội dung công bố thông tin cho nhà đầu tư</p>	<p>Có hiệu lực thi hành từ ngày 16/9/2022</p>
30	<p>Thông tư số 57/2022/TT-BTC ngày 16/9/2022 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 148/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ về quản lý, sử dụng nguồn thu từ chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập, nguồn thu từ chuyển nhượng vốn nhà nước và chênh lệch vốn chủ sở hữu lớn hơn vốn điều lệ tại doanh nghiệp</p>	<p>Thông tư này hướng dẫn các nội dung sau:</p> <p>(i) Lập dự toán thu, chi quy định tại Điều 9, khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 10 Nghị định số 148/2021/NĐ-CP</p> <p>(ii) Khai, nộp vào ngân sách nhà nước các khoản thu quy định tại khoản 1 Điều 6 Nghị định số 148/2021/NĐ-CP</p> <p>(iii) Chi thường xuyên và chi đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp quy định tại khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 7 Nghị định số 148/2021/NĐ-CP</p> <p>(iv) Xử lý các khoản phải thu, các khoản lãi chậm nộp về Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và Phát triển doanh nghiệp phát sinh trước thời điểm Nghị định số 148/2021/NĐ-CP có hiệu lực thi hành theo quy định tại Điều 11, Điều 12, Điều 13 Nghị định số 148/2021/NĐ-CP.</p> <p>Thông tư này còn sửa đổi quy định nộp tiền thu từ chuyển nhượng vốn nhà nước, tiền thu từ cổ phần hóa doanh nghiệp cấp 1 về Quỹ thành nộp vào ngân sách nhà nước tại khoản 7 Điều 9, khoản 2 Điều 10, các khoản</p>	<p>Có hiệu lực thi hành kể từ ngày 31/10/2022.</p> <p>Bãi bỏ Thông tư số 184/2012/TT-BTC ngày 25/10/2012 của Bộ Tài chính</p>

		<p>1, 3 Điều 11, các khoản 2, 6, 7 Điều 12, Điều 15, các khoản 6, 7 Điều 17, khoản 3 Điều 19 Thông tư số 32/2021/TT-BTC và các Phụ lục số 8, 9, 10, 11, 12 ban hành kèm theo Thông tư số 32/2021/TT-BTC; khoản 2 Điều 25 Thông tư số 21/2019/TT-BTC.</p> <p>Thông tư này cũng sửa đổi quy định nộp tiền thu từ doanh nghiệp cấp 2 do doanh nghiệp cấp 1 nắm giữ 100% vốn điều lệ về Quỹ thành nộp về doanh nghiệp cấp 1 tại khoản 7 Điều 9, khoản 2 Điều 10, các khoản 1, 3 Điều 11, các khoản 5, 6, 7 Điều 12, khoản 2 Điều 14, các khoản 6, 7 Điều 17, khoản 3 Điều 19, khoản 4 Điều 20 Thông tư số 32/2021/TT-BTC và các Phụ lục số 8, 9, 10, 11, 12 ban hành kèm theo Thông tư số 32/2021/TT-BTC; khoản 2 Điều 25 Thông tư số 21/2019/TT-BTC</p>	
--	--	--	--

Nơi nhận:

- HĐTV TCT ĐSVN (để b/c);
- KSV TCT ĐSVN;
- Ban TGĐ TCT ĐSVN (để b/c);
- CĐĐS, ĐTN TCT ĐSVN;
- Văn phòng, các ban tham mưu TCT ĐSVN;
- Các đơn vị trực thuộc;
- Người đại diện phần vốn góp của TCT ĐSVN tại các DN khác;
- Lưu: VT, KTKT (2b).

**TL. TỔNG GIÁM ĐỐC
TRƯỞNG BAN KIỂM TRA - KIỂM TOÁN**

Đỗ Thị Hồng Châu